

## V. PHẠM ĐẠI TẾ ĐÀN (MAHĀYAÑÑAVAGGA)

### I. KINH THỨC TRÚ CỦA CHÚNG HỮU TÌNH

(*Sattaviññāṇaṭṭhitisutta*)<sup>52</sup> (A. IV. 39)

44. Nay các Tỷ-kheo, có bảy thức trú này.<sup>53</sup> Thế nào là bảy?

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân khác, tướng khác, như loài người,<sup>54</sup> một số thiên nhân,<sup>55</sup> một số loài ở trong đọa xứ.<sup>56</sup> Đây là thức trú thứ nhất.

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân khác, tướng là một, như Phạm Chúng thiên được sanh nhờ chứng Sơ thiên.<sup>57</sup> Đây là thức trú thứ hai.

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân là một, tướng khác, như chư thiên Quang Âm.<sup>58</sup> Đây là thức trú thứ ba.

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân là một, tướng là một, như chư thiên Biến Tịnh.<sup>59</sup> Đây là thức trú thứ tư.

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn các sắc tướng, chấm dứt các chướng ngại tướng, không tác ý sai biệt tướng, đạt đến Không vô biên xứ, biết rằng: “Hư không là vô biên.” Đây là thức trú thứ năm.

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn Không vô biên xứ, đạt đến Thức vô biên xứ, biết rằng: “Thức là vô biên.” Đây là thức trú thứ sáu.

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn Thức vô biên xứ, đạt đến Vô sở hữu xứ, biết rằng: “Không có vật gì.” Đây là thức trú thứ bảy.

Nay các Tỷ-kheo, có bảy thức trú này.

<sup>52</sup> Bản tiếng Anh của PTS: *Stations*, dịch thoát là *Thức trú*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (T.02. 0125.39.5. 0730c19).

<sup>53</sup> Xem D. II. 68; III. 253, 263.

<sup>54</sup> *Chú giải* cho rằng anh em sinh đôi vẫn khác nhau về tiếng nói, về điệu bộ đi đứng.

<sup>55</sup> *Chú giải* viết một số thiên nhân ở dục giới (*kāmaloka*) có thân màu xanh, một số có thân màu vàng...

<sup>56</sup> *Chú giải* nói đến màu sắc của dạ-xoa Uttaramātā, Piyaṅkaramātā, Phussaṃmitā và Dhammaguttā, thân các vị ấy lớn nhỏ, màu sắc khác nhau, tâm các vị ấy như tâm người. Các ngọc quý Vemānika thuộc hạng này.

<sup>57</sup> Các vị có hình dáng lớn nhỏ khác nhau, còn tâm thì tùy thuộc trình độ chứng ngộ Sơ thiên của các vị ấy.

<sup>58</sup> *Chú giải* viết các thiên nhân này phát hào quang như ánh chớp. Thân các vị ấy to lớn giống nhau, nhưng tâm sai khác tùy theo trình độ chứng ngộ Thiên thứ hai, thứ ba.

<sup>59</sup> *Subhakinā*. Xem A. II. 184; S. II. 211.

## II. KINH TƯ LƯƠNG CHO ĐỊNH (*Samādhīparikkhārasutta*) (A. IV. 40)

45. Nay các Tỷ-kheo, có bảy tư lương này của định. Thế nào là bảy? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm.

Nhất tâm, nay các Tỷ-kheo, được bảy chi phần này làm tư lương; đây được gọi là Thánh chánh định, nay các Tỷ-kheo, với các sở y, với các tư lương.

## III. KINH LỬA THỨ NHẤT (*Paṭhamaaggisutta*) (A. IV. 41)

46. Nay các Tỷ-kheo, có bảy loại lửa<sup>60</sup> này. Thế nào là bảy? Lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa những vị đáng cung kính, lửa gia chủ, lửa các vị đáng cúng dường, lửa củi.

Nay các Tỷ-kheo, có bảy loại lửa này.

## IV. KINH LỬA THỨ HAI (*Dutiyaaggisutta*)<sup>61</sup> (A. IV. 41)

47. Lúc bấy giờ, một tể đàn lớn đang được thiết lập cho Bà-la-môn Uggatasaṃvāsa, năm trăm con bò đực được dắt đến trụ tể đàn, năm trăm con bê đực được dắt đến trụ tể đàn, năm trăm con bê cái được dắt đến trụ tể đàn, năm trăm con dê đực được dắt đến trụ tể đàn và năm trăm con cừu được dắt đến trụ tể đàn.<sup>62</sup> Rồi Bà-la-môn Uggatasaṃvāsa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Uggatasaṃvāsa thưa với Thế Tôn:

– Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: “Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tể đàn có quả lớn, có lợi ích lớn.”

– Nay Bà-la-môn, Ta cũng có nghe: “Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tể đàn có quả lớn, có lợi ích lớn.”

Lần thứ hai... Lần thứ ba, Bà-la-môn Uggatasaṃvāsa thưa với Thế Tôn:

– Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: “Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tể đàn có quả lớn, có lợi ích lớn.”

– Nay Bà-la-môn, Ta cũng có nghe: “Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tể đàn có quả lớn, có lợi ích lớn.”

– Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, chúng ta đồng một mục đích, Tôn giả Gotama và chúng tôi; thật vậy, chúng ta hoàn toàn<sup>63</sup> đồng nhau.

Được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Bà-la-môn Uggatasaṃvāsa:

– Nay Bà-la-môn, không nên hỏi Như Lai rằng: “Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: ‘Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tể đàn có quả lớn,

<sup>60</sup> Xem D. III. 217; S. IV. 19; Dh. v. 202; It. 92.

<sup>61</sup> Tham chiếu: Tap. 雜 (T.02. 0099.93. 0024b13); Biệt Tap. 別雜 (T.02. 0100.259. 0464b14).

<sup>62</sup> Xem A. II. 207; D. I. 127; S. I. 75.

<sup>63</sup> *Yadidaṃ sabbenā sabbaṃ*.

có lợi ích lớn.”” Nay Bà-la-môn, cần hỏi Như Lai như sau: “Bạch Thế Tôn, con muốn nhen nhúm ngọn lửa, con muốn dựng lên trụ tế đàn. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết dạy cho con, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài!”

Rồi Bà-la-môn Uggatasarīra bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, con muốn nhen nhúm ngọn lửa, con muốn dựng lên trụ tế đàn. Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả Gotama hãy giáo giới cho con! Tôn giả Gotama hãy thuyết dạy cho con, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài!

– Nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi tế lễ đàn, dựng lên ba cây kiếm<sup>64</sup> bất thiện đưa đến khổ sanh, khổ dị thực.<sup>65</sup> Thế nào là ba? Thân kiếm, ngữ kiếm, ý kiếm.

Nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi tế lễ đàn, khởi lên ý nghĩ: “Chùng ấy con bò đực cần phải giết cho lễ tế đàn, chùng ấy con bê đực cần phải giết cho lễ tế đàn, chùng ấy con dê cái cần phải giết cho lễ tế đàn, chùng ấy con dê cần phải giết cho lễ tế đàn, chùng ấy con cừu cần phải giết cho lễ tế đàn.” Vị ấy nghĩ rằng: “Tôi làm công đức”, lại làm phi công đức; nghĩ rằng: “Tôi làm thiện”, lại làm bất thiện; nghĩ rằng: “Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành”, lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi tế lễ đàn, dựng lên ý kiếm bất thiện thứ nhất, đưa đến khổ sanh, khổ dị thực.

Lại nữa, nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi tế lễ đàn, nói như sau: “Hãy giết chùng ấy con bò đực cho lễ tế đàn. Hãy giết chùng ấy con bê đực cho lễ tế đàn. Hãy giết chùng ấy con dê cái cho lễ tế đàn. Hãy giết chùng ấy con dê cho lễ tế đàn. Hãy giết chùng ấy con cừu cho lễ tế đàn.” Vị ấy nghĩ rằng: “Tôi làm công đức”, lại làm phi công đức; nghĩ rằng: “Tôi làm thiện”, lại làm bất thiện; nghĩ rằng: “Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành”, lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi tế lễ đàn, dựng lên ngữ kiếm bất thiện thứ hai, đưa đến khổ sanh, khổ dị thực.

Lại nữa, nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi tế lễ đàn, tự mình bắt đầu khởi sự công việc: “Hãy giết các con bò đực cho lễ tế đàn”; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: “Hãy giết các con bê đực cho lễ tế đàn”; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: “Hãy giết các con dê cái cho lễ tế đàn”; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: “Hãy giết các con dê cho lễ tế đàn”; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: “Hãy giết các con cừu cho lễ tế đàn.” Vị ấy nghĩ rằng: “Tôi làm công đức”, lại làm phi công đức; nghĩ rằng: “Tôi làm thiện”, lại làm bất thiện; nghĩ rằng: “Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành”, lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Nay Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa,

<sup>64</sup> Về ví dụ các lưỡi kiếm, xem *Sn.* 160; *Thag.* v. 1094-95.

<sup>65</sup> *Akusālāni dukkhuḍḍayāni dukkhavipākāni.*

dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên thân kiếm bất thiện thứ ba, đưa đến khổ sanh, khổ dị thực.

Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ba cây kiếm bất thiện này, đưa đến khổ sanh, khổ dị thực.

Này Bà-la-môn, ba ngọn lửa này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa. Thế nào là ba? Lửa tham, lửa sân, lửa si.

Vì sao, này Bà-la-môn, lửa tham cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

Người bị tham làm cho ái nhiễm, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, lửa tham này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Và này Bà-la-môn, vì sao lửa sân cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

Người bị sân làm cho tức giận, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, lửa sân này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Và này Bà-la-môn, vì sao lửa si cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

Người bị si làm cho mê mờ, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, lửa si này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Ba lửa này, này Bà-la-môn, cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Ba lửa này, này Bà-la-môn, được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc.<sup>66</sup> Thế nào là ba? Lửa đáng cung kính, lửa gia chủ, lửa đáng cúng dường.

Và này Bà-la-môn, thế nào là lửa đáng cung kính?

Ở đây, này Bà-la-môn, những người mẹ,<sup>67</sup> những người cha của người ấy, này Bà-la-môn, đây gọi là lửa đáng cung kính. Vì sao? Vì từ đó lửa đáng cung kính này khiến cho mang lại, khiến cho sanh ra.<sup>68</sup> Do vậy, này Bà-la-môn, lửa

<sup>66</sup> *Sammā sukhaṃ parihātabbo*. AA. IV. 30: *Pahātabbā* = *Pariharitabbā* (nên được đoạn trừ).

<sup>67</sup> Xem GS. II. 79; DB. III. 211; Dh. v. 332.

<sup>68</sup> *Atohayam āhuto sambhūto*.

đáng cung kính này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc.

Và này Bà-la-môn, thế nào là lửa gia chủ?

Ở đây, này Bà-la-môn, những người con, những người vợ, những người phục dịch, những người đưa tin, hoặc những người làm công<sup>69</sup> cho người ấy, này Bà-la-môn, đây gọi là lửa gia chủ. Do vậy, lửa gia chủ này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc.

Và này Bà-la-môn, thế nào là lửa đáng được cúng dường?

Ở đây, này Bà-la-môn, những Sa-môn, Bà-la-môn nào từ bỏ kiêu mạn, phóng dật, sống kham nhẫn nhu hòa; mỗi người điều phục tự ngã; mỗi người an chỉ<sup>70</sup> tự ngã; mỗi người làm lắng dịu tự ngã. Này Bà-la-môn, đây gọi là ngọn lửa đáng được cúng dường. Do vậy, lửa đáng được cúng dường này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc.

Này Bà-la-môn, ba ngọn lửa này được cung kính, được tôn trọng, đáng được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc.

Còn lửa củi này, này Bà-la-môn, cần phải thường thường nhen đốt nó lên, cần phải thường thường chăm sóc duy trì, cần phải thường thường dập tắt, cần phải thường thường để một bên.

Được nghe như vậy, Bà-la-môn Uggatasarīra bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Tôn giả Gotama hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng! Và thưa Tôn giả Gotama, con sẽ thả năm trăm con bò đực và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con bê đực và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con bê cái và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con dê và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con cừu và cho chúng sống. Hãy để chúng ăn cỏ xanh! Hãy để chúng uống nước mát! Hãy để gió thổi mát chúng!

## V. KINH TƯỚNG THỨ NHẤT (*Paṭhamasaññāsutta*)<sup>71</sup> (A. IV. 46)

**48.** Có bảy tướng,<sup>72</sup> này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là bảy? Tướng bất tịnh, tướng chết, tướng nhàm chán đối với các món ăn, tướng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tướng vô thường, tướng khổ trong vô thường, tướng vô ngã trong khổ.

Bảy tướng này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh.

<sup>69</sup> Xem A. II. 208; D. I. 141; S. I. 76.

<sup>70</sup> *Sameti*. Xem A. II. 68; III. 46; D. III. 61.

<sup>71</sup> Tham chiếu: *Tăng. 增* (T.02. 0125.46.9. 0780a16).

<sup>72</sup> Xem A. I. 41; D. III. 289; S. V. 132.

## VI. KINH TƯỚNG THỨ HAI (*Dutiyasaññāsutta*) (A. IV. 46)

**49.** Có bảy tướng, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là bảy? Tướng bất tịnh, tướng chết, tướng nhàm chán đối với các món ăn, tướng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tướng vô thường, tướng khổ trong vô thường, tướng vô ngã trong khổ.

Bảy tướng này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh.

Tướng bất tịnh, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo sống nhiều với các tướng bất tịnh, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng để không đắm vào các dâm dục; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán. Ví như, này các Tỷ-kheo, lông gà hay là dây gân quăng vào lửa thời thối lui, trở lưng, quay lưng, và không căng thẳng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo sống nhiều với các tướng bất tịnh, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng để không đắm vào các dâm dục; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tướng bất tịnh, nhưng tâm lại chạy theo đắm vào dâm dục, không khởi lên nhàm chán, thời Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: “Tướng bất tịnh không được ta tu tập; ở nơi ta không có sự sai khác trước và sau; ta không đạt được quả tu tập”; ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tướng bất tịnh, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng để không đắm vào các dâm dục; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: “Tướng bất tịnh được ta tu tập; ở nơi ta có sự sai khác trước và sau; ta đạt được quả tu tập”; ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy. Tướng bất tịnh, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Tướng chết, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống nhiều với tướng chết, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng không thích thú sự sống; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời... (như trên, chỉ khác trước là “tướng bất tịnh”, đây là “tướng chết” với những thay đổi cần thiết). Do duyên này được nói đến như vậy.

Tướng nhàm chán đối với món ăn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tướng nhàm chán đối với các món ăn, thời tâm thối lui... không tham ái các vị; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời... (như trên, chỉ khác đây là “tướng nhàm chán đối với các món ăn” với những thay đổi cần thiết). Do duyên này được nói đến như vậy.

Tướng không hoan hỷ đối với các thế giới, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với tướng không hoan hỷ đối với các thế giới, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng với các lòe loẹt của thế giới; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời... (như trên, chỉ khác đây là “tướng không hoan hỷ đối với các thế giới” với những thay đổi cần thiết). Do duyên này được nói đến như vậy.

Tướng vô thường, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với tướng vô thường, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng với các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời... (như trên, chỉ khác đây là “tướng vô thường” với những thay đổi cần thiết). Do duyên này được nói đến như vậy.

Tướng khô trong vô thường, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tướng khô trong vô thường, thời các tướng sợ hãi sắc bén được an lập trên thụ động, biếng nhác, thả lỏng,<sup>73</sup> phóng dật, không chú tâm, không quán sát, này các Tỷ-kheo, ví như một kẻ giết người giơ đao lên. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tướng khô trong vô thường, nhưng các tướng sợ hãi sắc bén không được an lập trên thụ động, biếng nhác, thả lỏng, phóng dật, không chú tâm, không quán sát; thời không giống như một kẻ giết người giơ đao lên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: “Tướng khô trong vô thường không được ta tu tập; ở nơi ta không có sự sai khác trước và sau; ta không đạt được quả của sự tu tập.” Ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy.

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tướng khô trong vô thường, thời các tướng sợ hãi sắc bén an lập trên thụ động, biếng nhác, thả lỏng, phóng dật, không chú tâm, không quán sát, ví như một kẻ giết người giơ đao lên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải hiểu rằng: “Tướng khô trên vô thường được ta tu tập; ở nơi ta có sự sai khác trước và sau; ta đạt được quả của sự tu tập.” Ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy.

<sup>73</sup> *Vissatthiye*. AA. IV. 31: *Vissatthiye* = *Vissatthabhāve* (thả lỏng, không căng).

Tưởng khổ trên vô thường, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Tưởng vô ngã trên khổ, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tướng vô ngã trên khổ, này các Tỷ-kheo, ý của vị ấy thoát khỏi các tư tưởng<sup>74</sup> ngã, ngã sở, ngã mạn, đối với cái thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, khéo giải thoát, được an tịnh, vượt qua các thiên kiến.<sup>75</sup> Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tướng vô ngã trên khổ, này các Tỷ-kheo, ý của vị ấy không thoát khỏi các tư tưởng ngã, ngã sở, ngã mạn, đối với cái thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không khéo giải thoát, không được an tịnh, không vượt qua các thiên kiến. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: “Tưởng vô ngã trên khổ không được ta tu tập; ở nơi ta không có sự sai khác trước và sau; ta không đạt được quả của sự tu tập.” Ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy.

Nhưng này Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tướng vô ngã trên khổ, này các Tỷ-kheo, ý của vị ấy thoát khỏi các tư tưởng ngã, ngã sở, ngã mạn, đối với cái thân có thức và đối với tất cả tướng ở ngoài, khéo giải thoát, được an tịnh, vượt qua các thiên kiến. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: “Tưởng vô ngã trên khổ được ta tu tập; ở nơi ta có sự sai khác trước và sau; ta đạt được quả của sự tu tập.” Ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy.

Tưởng vô ngã trên khổ, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Bảy tướng này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh.

## VII. KINH DÂM DỤC (*Methunasutta*)<sup>76</sup> (A. IV. 54)

**50.** Bấy giờ, có Bà-la-môn Jāṇussoṇi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả có tự xem mình là sống Phạm hạnh không?
- Này Bà-la-môn, ai nói một cách chơn chánh phải nói như sau: “Vị ấy sống Phạm hạnh, không có bề vụn, không có khuyết phạm, không có nhiễm ô, không bị điểm chấm, viên mãn thanh tịnh.” Này Bà-la-môn, nếu nói về Ta một cách chơn chánh, thời phải nói như vậy: “Tôn giả Gotama sống Phạm hạnh, không

<sup>74</sup> Xem A. I. 32; M. III. 18; KS. II. 167; III. 145.

<sup>75</sup> *Vidhāsamatikkanta*. Xem KS. III. 42.

<sup>76</sup> Tham chiếu: Tăng. 增 (T.02. 0125.37.9. 0714c15).

có bề vụn, không có khuyết phạm, không có nhiễm ô, không bị điểm chấm, viên mãn thanh tịnh.”

– Thừa Tôn giả Gotama, Phạm hạnh như thế nào, thừa Tôn giả Gotama, là bị bề vụn, bị khuyết phạm, bị ô nhiễm, bị điểm chấm?

– Ở đây, này Bà-la-môn, có Sa-môn hay Bà-la-môn, tự xem mình sống Phạm hạnh một cách chơn chánh, tuy không có hành dâm với nữ nhân, nhưng hưởng thụ được nữ nhân thoa, bóp, tắm, xúc dầu. Vị ấy thích thú, ước muốn, bị kích thích bởi nữ nhân. Này Bà-la-môn, đây gọi là Phạm hạnh bị bề vụn, bị khuyết phạm, bị nhiễm ô, bị điểm chấm. Này Bà-la-môn, đây gọi là hành Phạm hạnh không thanh tịnh, bị liên hệ, bị hệ lụy với dâm dục, không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng không thoát khỏi khổ.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, tự xem mình sống Phạm hạnh một cách chơn chánh, tuy không có hành dâm với nữ nhân, không có hưởng thụ được nữ nhân thoa, bóp, tắm, xúc dầu, nhưng cười giỡn, chơi đùa, vui chơi với nữ nhân... tuy không cười giỡn, chơi đùa, vui chơi với nữ nhân, nhưng lấy mắt nhìn mắt, dõi mắt nhìn theo nữ nhân... tuy không lấy mắt nhìn mắt, không dõi mắt nhìn theo nữ nhân, nhưng nghe tiếng của nữ nhân, tiếng cười, tiếng nói, tiếng hát, tiếng khóc ngang qua vách, ngang qua hàng rào... tuy không nghe tiếng của nữ nhân, tiếng cười, tiếng nói, tiếng hát, tiếng khóc ngang qua vách, ngang qua hàng rào, nhưng nhớ đến tiếng cười, tiếng nói, tiếng đùa giỡn trước kia đã có với nữ nhân... tuy không nhớ đến tiếng cười, tiếng nói, tiếng đùa giỡn trước kia đã có với nữ nhân, nhưng xem gia chủ hay con gia chủ thọ hưởng, thường thức thích thú trong năm dục công đức<sup>77</sup>... tuy không xem gia chủ hay con gia chủ thọ hưởng, thường thức thích thú trong năm dục công đức, nhưng sống Phạm hạnh với tâm nguyện hướng đến một thân chư thiên, nguyện rằng: “Với giới này hay với giới cầm này, hay với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ thành một thiên nhân này hay một thiên nhân khác.”<sup>78</sup> Vị ấy thích thú, ước muốn, bị kích thích bởi nữ nhân. Này Bà-la-môn, đây gọi là Phạm hạnh bị bề vụn, bị khuyết phạm, bị nhiễm ô, bị điểm chấm. Này Bà-la-môn, đây gọi là hành Phạm hạnh không thanh tịnh, bị liên hệ, bị hệ lụy với dâm dục, không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng không giải thoát khỏi khổ.

Cho đến khi nào, này Bà-la-môn, Ta còn tiếp tục thấy một hay một trong bảy hệ lụy đến dâm dục này chưa được đoạn tận ở nơi Ta, cho đến khi ấy, này Bà-la-môn, Ta không có xác chứng rằng Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và cho đến khi nào, này Bà-la-môn, Ta thấy một hay một trong bảy hệ lụy đến dâm dục này đã được

<sup>77</sup> Xem A. II. 125; D. I. 36; M. I. 505; Vin. I. 15.

<sup>78</sup> AA. IV. 32: *Devoti eko devarājā. Devaññataroti aññataro devaputto* (“Vị thiên” nghĩa là có thể là Thiên chủ hoặc thiên tử). Xem A. V. 18; D. III. 239; M. I. 102; S. IV. 180.

đoạn tận ở nơi Ta, cho đến khi ấy, này Bà-la-môn, Ta mới xác chứng rằng Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Tri kiến được khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa.”<sup>79</sup>

Được nói như vậy, Bà-la-môn Jāpussoni bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

### VIII. KINH HỆ LUY (*Samyogasutta*) (A. IV. 57)

**51.** Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông pháp môn về hệ lụy và ly hệ lụy, hãy lắng nghe... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn về hệ lụy và ly hệ lụy?

Một nữ nhân, này các Tỷ-kheo, tác ý nội nữ căn, nữ hành (*itthikuttam*), nữ y phục (*itthākappam*), nữ loại (*itthividham*),<sup>80</sup> nữ dục (*itthicchandam*), nữ thanh (*itthissaram*), nữ trang sức (*itthālāṅkāram*); thời nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy. Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên tác ý đến nam căn ở ngoài, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy. Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên nữ nhân ấy ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nữ nhân ấy ước muốn lạc hỷ ấy. Này các Tỷ-kheo, do thích thú trong nữ tánh của mình, các loài hữu tình đi đến hệ lụy với những người đàn ông. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nữ nhân không có thoát được nữ tánh của mình.

Một nam nhân, này các Tỷ-kheo, tác ý nội nam căn, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức; thời nam nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy. Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên tác ý đến nữ căn ở ngoài, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức mà nam nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy. Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên nam nhân ấy ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nam nhân ấy ước muốn lạc hỷ ấy. Này các Tỷ-kheo, do thích thú trong nam tánh của mình, các loài hữu tình đi đến hệ lụy với những người đàn bà. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nam nhân không thoát khỏi nam tánh của mình. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hệ lụy.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là ly hệ lụy?

Một nữ nhân, này các Tỷ-kheo, không tác ý nội nữ căn, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức; thời nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy. Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại

<sup>79</sup> Xem A. I. 259; S. II. 171; Vin. I. 11.

<sup>80</sup> *Itthividham*. *Vidhā* còn có nghĩa là kiêu ngạo. *Chú giải* viết *māna*. Ở đây có nghĩa là nữ thiên kiến, nữ thiên chấp.

đây nên không tác ý đến nam căn ở ngoài, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức; nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây. Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây, nữ nhân ấy không muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nữ nhân ấy không ước muốn lạc hỷ ấy. Nay các Tỷ-kheo, do không thích thú trong nữ tánh của mình, các loài hữu tình không đi đến hệ lụy với những người đàn ông. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, nữ nhân thoát được nữ tánh của mình.

Một nam nhân, nay các Tỷ-kheo, không tác ý đến nội nam căn, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức; thời nam nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây. Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây nên không tác ý đến nữ căn ở ngoài, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức; nam nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây. Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đây nên nam nhân ấy không ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nam nhân ấy không ước muốn lạc hỷ ấy. Nay các Tỷ-kheo, do không thích thú trong nam tánh của mình, các loài hữu tình không đi đến hệ lụy với những nữ nhân. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, nam nhân thoát được nam tánh của mình. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là ly hệ lụy.

Nay các Tỷ-kheo, đây là pháp môn hệ lụy và ly hệ lụy.

## IX. KINH QUẢ CỦA BỐ THÍ (*Dānamahapphalasutta*)<sup>81</sup> (A. IV. 59)

52. Một thời, Thế Tôn ở Campā,<sup>82</sup> trên bờ hồ Gaggarā. Bấy giờ, có nhiều cư sĩ ở Campā đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Sāriputta rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ ấy thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Tôn giả, đã lâu lắm, chúng con không được nghe pháp thoại từ miệng Thế Tôn. Lành thay, thưa Tôn giả, nếu nay chúng con được nghe pháp thoại từ miệng Thế Tôn!

– Vậy này chư Hiền, hãy đến trong ngày Lễ Trai giới (*Uposatha*), các ông sẽ được nghe pháp thoại từ miệng Thế Tôn.

– Thưa vâng, thưa Tôn giả!

Các nam cư sĩ ở Campā ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Tôn giả Sāriputta, thân bên hữu hướng về Tôn giả rồi ra đi. Rồi các nam cư sĩ ở Campā, đến ngày Lễ Trai giới, đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Sāriputta rồi đứng một bên. Rồi Tôn giả Sāriputta cùng với các nam cư sĩ ở Campā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

<sup>81</sup> Bản tiếng Anh của PTS: *On Giving*, nghĩa là *Về bố thí*.

<sup>82</sup> Kinh đô của Aṅga, phía Đông nước Magadha.

– Có thể, bạch Thế Tôn, ở đây có hạng người bỏ thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Nhưng bạch Thế Tôn, có thể ở đây có hạng người bỏ thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

– Nay Sāriputta, có thể ở đây có hạng người bỏ thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Có thể, này Sāriputta, ở đây có hạng người bỏ thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng người bỏ thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng người bỏ thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn?

– Ở đây, này Sāriputta, có người bỏ thí với tâm mong cầu, bỏ thí với tâm trói buộc [về kết quả],<sup>83</sup> bỏ thí với tâm mong cầu được chất chứa, bỏ thí với ý nghĩ: “Tôi sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau.” Vị ấy bỏ thí như vậy cho các Samôn, Bà-la-môn, bỏ thí đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, hương liệu, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc.<sup>84</sup> Ông nghĩ thế nào, này Sāriputta, ở đây có thể có hạng người bỏ thí như vậy không?

– Thừa có, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này Sāriputta, có hạng người bỏ thí với tâm mong cầu, bỏ thí với tâm trói buộc, bỏ thí với tâm mong cầu được chất chứa, bỏ thí với ý nghĩ: “Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau.” Vị ấy bỏ thí như vậy, khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Bốn Thiên Vương. Và vị ấy, khi nghiệp được đoạn tận, thần lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận, vị ấy trở thành “vị trở lui lại”, trở lui trạng thái này.

Ở đây, này Sāriputta, có người bỏ thí với tâm không mong cầu, bỏ thí với tâm không trói buộc, bỏ thí với tâm không mong cầu được chất chứa, bỏ thí không với ý nghĩ: “Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau”, nhưng bỏ thí với ý nghĩ: “Lành thay! Sự bỏ thí.” ...

Bỏ thí không với ý nghĩ: “Lành thay! Sự bỏ thí”, nhưng bỏ thí với ý nghĩ: “Cái này đã được cho trong quá khứ, đã được Tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên.” ...

Hay là người bỏ thí không với ý nghĩ: “Cái này đã được cho trong quá khứ, đã được Tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên”, nhưng bỏ thí với ý nghĩ: “Ta nấu ăn, các người này không nấu ăn. Ta không nên là người nấu ăn lại không bỏ thí cho người không nấu ăn.” ...

Bỏ thí không với ý nghĩ: “Ta nấu ăn, các người này không nấu ăn. Ta không nên là người nấu ăn lại không bỏ thí cho người không nấu ăn”, nhưng bỏ thí với ý nghĩ: “Như các vị ần sĩ thời xưa có những tể đàn lớn như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamadaggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāsetṭha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta sẽ là người san sẻ các vật bỏ thí.” ...

<sup>83</sup> *Paṭibaddhacitto*. AA. IV. 33: *Paṭibaddhacittoti vipāke baddhacitto* (“Tâm trói buộc” chỉ cho tâm trói buộc về kết quả).

<sup>84</sup> Xem A. I. 107; M. III. 205; S. I. 94; It. 65.

Vị ấy bỏ thí không với ý nghĩ: “Như các vị ả sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamadaggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāsetṭha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta sẽ san sẻ các vật bỏ thí này”, nhưng bỏ thí với ý nghĩ: “Do ta bỏ thí vật bỏ thí này, tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khởi lên.” ...

Vị ấy bỏ thí không với ý nghĩ: “Do ta bỏ thí vật bỏ thí này, tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khởi lên”, nhưng vị ấy bỏ thí với ý nghĩ để trang nghiêm tâm (*cittālaṅkāraṃ*), để trang bị tâm (*cittaparikkhāraṃ*).<sup>85</sup> Và đối với Sa-môn hay Bà-la-môn, vị ấy bỏ thí đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, hương liệu, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Ông nghĩ thế nào, này Sāriputta, ở đây, có hạng người có thể bỏ thí như vậy không?

– Thừa có, bạch Thế Tôn.

– Này Sāriputta, ở đây, ai bỏ thí không với tâm cầu mong, bỏ thí không với tâm trói buộc, bỏ thí không với mong cầu được chất chứa; bỏ thí không với ý nghĩ: “Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau”; bỏ thí không với ý nghĩ: “Lành thay! Sự bỏ thí”; bỏ thí không với ý nghĩ: “Cái này đã được cho trong đời quá khứ, đã được Tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên”; bỏ thí không với ý nghĩ: “Ta nấu ăn, các người này không nấu ăn. Ta không nên là người nấu ăn lại không bỏ thí cho người không nấu ăn”; bỏ thí không với ý nghĩ: “Như các vị ả sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamadaggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāsetṭha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta sẽ là người san sẻ các vật bỏ thí”; bỏ thí không với ý nghĩ: “Do ta bỏ thí vật bỏ thí này, tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khởi lên”, nhưng vị ấy bỏ thí với ý nghĩ để trang nghiêm tâm, để trang bị tâm. Do vị ấy bỏ thí như vậy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Phạm Chúng thiên. Và khi vị ấy, nghiệp được đoạn tận, thân lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận, vị ấy trở thành vị Bất Lai, không trở lui trạng thái này.

Này Sāriputta, đây là nhân, đây là duyên, khiến cho ở đây, một hạng người bỏ thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Này Sāriputta, nhưng đây cũng là nhân, là duyên khiến cho ở đây, có hạng người bỏ thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

## X. KINH MẸ CỦA NANDA (*Nandamātāsutta*) (A. IV. 63)

### 53. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahāmoggallāna đang du hành ở Dakkhināgiri<sup>86</sup> cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, nữ cư sĩ Veḷukaṇḍakī,

<sup>85</sup> A. IV. 33: *Cittālaṅkāracittaparikkhāraṇti samathavipassanācittassa alaṅkārahūtañceva parivārahūtañca* (“Để trang nghiêm tâm, để trang bị tâm” nghĩa là trang hoàng và trang bị tâm tu tập thiền chỉ, thiền quán).

<sup>86</sup> Phía Nam thành Vương Xá.

mẹ của Nanda,<sup>87</sup> thức dậy trước khi mặt trời mọc, và đọc lớn tiếng bài *Pārāyana*<sup>88</sup> (Con đường đưa đến bờ bên kia). Lúc bấy giờ, Đại vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn)<sup>89</sup> đang đi từ phương Bắc đến phương Nam vì một vài công việc. Đại vương Vessavaṇa nghe nữ cư sĩ Velukaṇḍakī, mẹ của Nanda, lớn tiếng đọc bài *Pārāyana*, liền đứng lại, chờ đợi cho bài được đọc xong. Và nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi lớn tiếng đọc xong bài *Pārāyana*, liền im lặng. Rồi Đại vương Vessavaṇa biết được nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, đã đọc xong bài kệ, liền hết sức hoan hỷ và nói:

- Lành thay, này chị! Lành thay, này chị!
- Ngài là ai, hỡi vị có khuôn mặt hiền?
- Này chị, ta là anh của chị, Đại vương Vessavaṇa!
- Lành thay, hỡi vị có khuôn mặt hiền! Hãy lấy pháp môn được tôi nói đến hôm nay làm quà tặng đón khách cho ngài.
- Lành thay, này chị! Phải, pháp môn này hãy là quà tặng đón khách của tôi! Ngày mai, chúng Tỳ-kheo với Sāriputta và Moggallāna là các vị dẫn đầu sẽ đến Velukaṇḍakī nhưng chưa ăn sáng. Sau khi chị mời chúng Tỳ-kheo dùng xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường.

Rồi cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi đêm ấy đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Rồi chúng Tăng với Sāriputta và Moggallāna là các vị dẫn đầu đi đến Velukaṇḍakī nhưng chưa ăn sáng. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda bảo một người rằng:

- Này bạn, hãy đi đến khu vườn và báo thời giờ cho chúng Tỳ-kheo: “Đã đến giờ, thưa các Tôn giả! Tại nhà của mẹ Nanda, các món ăn đã được sửa soạn.”
- Thưa vâng, nữ cư sĩ.

Người ấy vâng đáp nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, đi đến khu vườn và báo thời giờ cho chúng Tỳ-kheo:

- Đã đến giờ, thưa các Tôn giả! Tại nhà của mẹ Nanda, các món ăn đã được sửa soạn.

Rồi chúng Tỳ-kheo với Sāriputta và Moggallāna là các vị dẫn đầu, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ, mẹ của Nanda; sau khi đến, ngồi xuống trên các chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, mời chúng Tỳ-kheo với Sāriputta và Moggallāna là các vị dẫn đầu với những món ăn thượng vị loại cứng, loại mềm và làm chúng Tỳ-kheo được thỏa mãn. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, thấy Tôn giả Sāriputta ăn đã xong, tay đã rút khỏi bình bát, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Sāriputta nói với nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, đang ngồi một bên:

<sup>87</sup> AA. I. 446 cho rằng nữ cư sĩ Velukaṇḍakī, mẹ của Nanda còn được gọi là Uttarā Nandamātā, vị được ca ngợi là Tu thiên đệ nhất về phía nữ cư sĩ. Xem A. I. 27.

<sup>88</sup> *Pārāyana*. Xem Sn. 187.

<sup>89</sup> *Vessavaṇa*. Một trong Tứ Thiên Vương. Còn có một tên khác là Kuvera. Xem DB. III. 193.

– Này mẹ của Nanda, ai bảo cho bà biết chúng Tỷ-kheo sẽ đi tới nhà?

– Ở đây, thưa Tôn giả, con thức dậy trước khi trời sáng, đọc lớn tiếng bài kệ *Pārāyana* rồi im lặng. Rồi thưa Tôn giả, Đại vương Vessavaṇa sau khi biết được con đã đọc xong, liền hết sức hoan hỷ và nói:

“Lành thay, này chị! Lành thay, này chị!”

“Ngài là ai, hỡi vị có khuôn mặt hiền?”

“Này chị, ta là anh của chị, Đại vương Vessavaṇa.”

“Lành thay, hỡi vị có khuôn mặt hiền! Hãy lấy pháp môn được tôi nói đến hôm nay làm quà tặng đón khách cho ngài.”

“Lành thay, này chị! Phải, pháp môn này hãy là quà tặng đón khách của tôi! Ngày mai, chúng Tỷ-kheo với Sāriputta và Moggallāna là các vị dẫn đầu, sẽ đến Velukaṇḍakī nhưng chưa ăn sáng. Sau khi chị mời chúng Tỷ-kheo dùng xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường.”

Thưa Tôn giả, mong rằng mọi công đức của buổi cúng dường này sẽ đem lại an lạc cho Đại vương Vessavaṇa!

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Bà có thể nói chuyện, mặt tận mặt với một thiên tử có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy.

– Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, Nanda, đứa con độc nhất của con, khả ái, khả ý, vì một lý do gì đó, bị các vua dùng sức mạnh bắt giữ và đoạn mạng sống. Thưa Tôn giả, trong khi đứa trẻ bị bắt giữ hay đang bị bắt giữ, khi bị trói hay đang bị trói, khi bị giết hay đang bị giết, con rõ biết tâm của con không có đổi khác.

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Bà đã có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

– Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, người chồng của con, khi mệnh chung sanh vào sanh loại dạ-xoa, và vị ấy hiện lên trước mặt con với một tự ngã như lúc trước. Nhưng thưa Tôn giả, con rõ biết không vì nhân duyên ấy, tâm của con có đổi khác.

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Bà đã có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

– Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Thưa Tôn giả, khi còn là thiếu nữ, được đưa đến cho chồng con, con rõ biết con không có một tâm vi phạm (*aticaritā*) đối với chồng con, hướng nữa là về thân!

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Bà đã có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

– Thừa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Thừa Tôn giả, khi con tự chấp nhận là một nữ cư sĩ, con rõ biết con chưa từng vi phạm một học pháp nào.

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda!

– Thừa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Ở đây, thừa Tôn giả, nếu con muốn, con có thể ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ; làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, con chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm; ly hỷ, con trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, con chứng đạt và an trú Thiền thứ ba; đoạn lạc và đoạn khổ, chấm dứt các hỷ ưu đã cảm thọ trước, con chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda!

– Thừa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Năm hạ phần kiết sử được Thế Tôn thuyết giảng, con thấy rõ không còn pháp nào ở nơi con chưa được đoạn tận.

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda!

Rồi Tôn giả Sāriputta, sau khi với một pháp thoại nói lên cho nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

